

Số: /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/20104/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1745/NQ-UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 84/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện kiểm sát nhân dân khu vực;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 189/QĐ-VKSTC ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quy định về cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Quyết định số 303/QĐ-VKSTC ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung quy định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *MD*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VKSNDTC;
- Công TTĐT VKSND tối cao;
- Lưu: VT, V15.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Huy Tiến

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỐI CAO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý
và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VKSTC ngày tháng 01 năm 2026
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp Vụ).

b) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh).

c) Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

d) Công chức, viên chức của các đơn vị nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

3. Quy định này không áp dụng với Viện kiểm sát quân sự các cấp, các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao và người lao động khác.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Việc xác định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của đơn vị, Viện kiểm sát nhân dân các cấp phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ quy định của pháp luật về cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

2. Bảo đảm xây dựng cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, số lượng biên chế và khối lượng công việc.

3. Bảo đảm phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Chương II

CƠ CẤU BỘ MÁY LÀM VIỆC, CƠ CẤU LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VÀ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA CÁC ĐƠN VỊ CẤP VỤ

Điều 3. Cơ cấu bộ máy làm việc của các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Ủy ban kiểm sát và đơn vị cấp Vụ. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao không quá 15 người do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

2. Những đơn vị có tính chất đặc thù thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được bố trí phòng và tương đương gồm: Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội (Viện Phúc thẩm 1), Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng (Viện Phúc thẩm 2), Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh (Viện Phúc thẩm 3); Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Cục 1); Cục Thống kê tội phạm và Chuyển đổi số (Cục 2); Cục Tài chính (Cục 3); Viện Khoa học kiểm sát; Bảo Bảo vệ pháp luật; Trường Đại học Kiểm sát; Văn phòng.

Những đơn vị khác không bố trí cấp phòng.

Điều 4. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức

1. Cơ cấu lãnh đạo quản lý cấp Vụ có Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương, số lượng cấp phó cụ thể như sau:

a) Đơn vị không sáp nhập thì có không quá 03 Phó Vụ trưởng và tương đương gồm: Vụ 1, Vụ 2, Vụ 4, Vụ 6, Vụ 8, Vụ 11, Vụ 13, Vụ 14, Vụ 15, Cục 2, Cục 3, Thanh tra, Viện Khoa học kiểm sát, Bảo Bảo vệ pháp luật.

b) Đơn vị có sáp nhập, có tính chất đặc thù hoặc số lượng biên chế lớn thì có không quá 04 Phó Vụ trưởng và tương đương gồm: Vụ 3, Vụ 7, Vụ 9, Vụ 10, Vụ 12, Cục 1, Viện Phúc thẩm 1, Viện Phúc thẩm 2, Viện Phúc thẩm 3, Văn phòng, Trường Đại học Kiểm sát.

Trong trường hợp đặc biệt hoặc do yêu cầu công tác cần thiết điều động, tiếp nhận, bố trí công chức, viên chức thì Ban Thường vụ Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định số lượng Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị nhưng đảm bảo tổng số cấp phó của tất cả các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không vượt quá số lượng quy định.

2. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, số lượng cấp phó cụ thể như sau:

a) Phòng có từ 15 biên chế đến 20 biên chế có không quá 02 Phó Trưởng phòng.

b) Phòng có từ 21 biên chế trở lên có không quá 03 Phó Trưởng phòng.

3. Cơ cấu công chức, viên chức

a) Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm: Điều tra viên các ngạch, Cán bộ điều tra, Chuyên viên các ngạch và tương đương, công chức khác.

b) Trường Đại học Kiểm sát, Bảo Bảo vệ pháp luật, Viện Khoa học kiểm sát gồm: Kiểm sát viên cao cấp và tương đương (đối với chức vụ Vụ trưởng và tương đương, Phó Vụ trưởng và tương đương), Chuyên viên các ngạch, Giảng viên các ngạch và tương đương; Phóng viên, Biên tập viên các ngạch; Kế toán viên.

c) Các đơn vị khác gồm: Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch; Giám định viên kỹ thuật hình sự và công chức khác.

Chương III

CƠ CẤU BỘ MÁY LÀM VIỆC, CƠ CẤU LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VÀ CÔNG CHỨC CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 5. Cơ cấu bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có Ủy ban kiểm sát, Văn phòng, các phòng nghiệp vụ và tương đương. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát của mỗi Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không quá 09 người. Đối với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát không quá 13 người; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát không quá 15 người.

2. Trên cơ sở số lượng biên chế đã được Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ cấu bộ máy cấp phòng của các đơn vị được thực hiện theo số lượng phòng lớn nhất của đơn vị được sáp nhập, cụ thể như sau:

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được cơ cấu 07 phòng và tương đương (02 đơn vị): Lai Châu, Cà Mau.

b) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được cơ cấu 08 phòng và tương đương (09 đơn vị): Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Điện Biên, thành phố Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Vĩnh Long, Hà Tĩnh.

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được cơ cấu 09 phòng và tương đương (09 đơn vị): Ninh Bình, Quảng Trị, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Hưng Yên, Lào Cai, Sơn La, Thái Nguyên, Phú Thọ.

d) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được cơ cấu 10 phòng và tương đương (06 đơn vị): Bắc Ninh, Gia Lai, Đắk Lắk, Tây Ninh, thành phố Cần Thơ, An Giang.

đ) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được cơ cấu 11 phòng và tương đương (06 đơn vị): thành phố Hải Phòng, Đồng Nai, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Đà Nẵng.

e) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được cơ cấu 12 phòng và tương đương (02 đơn vị): Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý

1. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có Viện trưởng, Phó Viện trưởng, số lượng cấp phó cụ thể như sau:

a) Đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không sáp nhập thì có không quá 03 Phó Viện trưởng, gồm 10 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Sơn La, Huế.

b) Đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có sáp nhập 02 đơn vị hoặc không sáp nhập nhưng có số lượng vụ án, vụ việc lớn thì có không quá 04 Phó Viện trưởng, gồm 18 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố: Hà Nội, Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang.

c) Đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có sáp nhập 03 đơn vị thì có không quá 05 Phó Viện trưởng, gồm 05 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố: Phú Thọ, Ninh Bình, Lâm Đồng, Cần Thơ, Vĩnh Long.

d) Đối với Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sáp nhập 03 đơn vị và có số lượng vụ án, vụ việc lớn nhất cả nước thì có không quá 06 Phó Viện trưởng.

Trong trường hợp đặc biệt hoặc do yêu cầu công tác cần thiết điều động, tiếp nhận, bố trí công chức, viên chức thì Ban Thường vụ Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định số lượng Phó Viện trưởng của các đơn vị nhưng đảm bảo tổng số cấp phó của tất cả các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không vượt quá số lượng quy định.

2. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, số lượng cấp phó cụ thể như sau:

a) Phòng có từ 05 biên chế đến 09 biên chế có 01 Phó Trưởng phòng.

b) Phòng có từ 10 biên chế đến 20 biên chế có không quá 02 Phó Trưởng phòng.

c) Phòng có từ 21 biên chế đến 30 biên chế có không quá 03 Phó Trưởng phòng.

d) Phòng có từ 31 biên chế trở lên có không quá 04 Phó Trưởng phòng.

Điều 7. Cơ cấu công chức

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có thể có Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm tra viên chính, Kiểm tra viên, Chuyên viên chính, Chuyên viên, Kế toán viên chính, Kế toán viên, công chức khác.

2. Cơ cấu công chức của Văn phòng cụ thể như sau:

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có 07 phòng, có: văn thư, lưu trữ (01 biên chế); cơ yếu (01 biên chế), thủ quỹ (01 biên chế), kế toán (02 biên chế); thống kê, tổng hợp, thi đua (05 biên chế), công nghệ thông tin (02 biên chế).

b) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có 08 phòng, có: văn thư, lưu trữ (02 biên chế), cơ yếu (01 biên chế), thủ quỹ (01 biên chế), kế toán (02 biên chế); thống kê, tổng hợp, thi đua (06 biên chế), công nghệ thông tin (02 biên chế).

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có 09 phòng, có: văn thư, lưu trữ (02 biên chế), cơ yếu (01 biên chế), thủ quỹ (01 biên chế), kế toán (02 biên chế); thống kê, tổng hợp, thi đua (07 biên chế), công nghệ thông tin (02 biên chế).

d) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có 10 phòng, có: văn thư, lưu trữ (02 biên chế), cơ yếu (01 biên chế), thủ quỹ (01 biên chế), kế toán (03 biên chế); thống kê, tổng hợp, thi đua (07 biên chế), công nghệ thông tin (02 biên chế).

đ) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có 11 phòng, có: văn thư, lưu trữ (02 biên chế), cơ yếu (01 biên chế), thủ quỹ (01 biên chế), kế toán (04 biên chế); thống kê, tổng hợp, thi đua (08 biên chế), công nghệ thông tin (02 biên chế).

e) Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, có: văn thư, lưu trữ (03 biên chế), cơ yếu (01 biên chế), thủ quỹ (01 biên chế), kế toán (05 biên chế); thống kê, tổng hợp, thi đua (09 biên chế), công nghệ thông tin (03 biên chế).

Chương IV

CƠ CẤU BỘ MÁY LÀM VIỆC, CƠ CẤU LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VÀ CÔNG CHỨC CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC

Điều 8. Cơ cấu bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân khu vực

1. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có dưới 45 biên chế được cơ cấu 03 bộ phận:

a) Bộ phận Văn phòng (gồm công tác Văn phòng, thống kê, tổng hợp, thi đua, giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp).

b) Bộ phận công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự (gồm công tác Công tố, kiểm sát việc tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm án hình sự, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự).

c) Bộ phận Kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực dân sự, hành chính (gồm công tác Kiểm sát việc giải quyết án hành chính, kinh doanh, thương mại, dân sự và những việc khác theo quy định của pháp luật; kiểm sát việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính...).

2. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có từ đủ 45 biên chế trở lên được thành lập cấp phòng và tương đương.

Điều 9. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý

1. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có đến 10 biên chế được cơ cấu Viện trưởng và 01 Phó Viện trưởng;

2. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có từ 11 đến 20 biên chế được cơ cấu Viện trưởng và không quá 02 Phó Viện trưởng.

3. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có từ 21 biên chế trở lên thì được cơ cấu Viện trưởng và không quá 03 Phó Viện trưởng.

Điều 10. Cơ cấu công chức

Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thể có Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm tra viên chính, Kiểm tra viên, Chuyên viên và công chức khác.

Chương V

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực có trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Khi sắp xếp tổ chức bộ máy mà số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị nhiều hơn số lượng tối đa theo quy định của Quy định này thì chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị phải đúng theo Quy định này.

3. Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì phản ánh về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 189/QĐ-VKSTC ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quy định về cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Quyết định số 303/QĐ-VKSTC ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung quy định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp./.